

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LÂM TRƯỜNG HÙNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LÂM TRƯỜNG HÙNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LAM TRUONG HUNG SERVICE COMMERCIAL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: LAM TRUONG HUNG SERVICE COMMERCIAL CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0314022692

3. Ngày thành lập: 20/09/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

33/16 Lý Chiêu Hoàng, Phường 10, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
2.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (không hoạt động tại trụ sở)	1010
3.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)	1020
4.	Chế biến và bảo quản rau quả (không hoạt động tại trụ sở)	1030
5.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (không hoạt động tại trụ sở)	1040
6.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa (không hoạt động tại trụ sở)	1050
7.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột (không hoạt động tại trụ sở)	1062
8.	Sản xuất các loại bánh từ bột (không hoạt động tại trụ sở)	1071
9.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo (không hoạt động tại trụ sở)	1073
10.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
11.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không hoạt động tại trụ sở)	1104
12.	Sản xuất sợi (không hoạt động tại trụ sở)	1311
13.	Hoàn thiện sản phẩm dệt (không hoạt động tại trụ sở)	1313

14.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác (không hoạt động tại trụ sở)	1321
15.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
16.	Sản xuất thảm, chăn đệm (không hoạt động tại trụ sở)	1323
17.	Sản xuất các loại dây bện và lưới (không hoạt động tại trụ sở)	1324
18.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, thêu, đan tại trụ sở) m	1410
19.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú (không hoạt động tại trụ sở)	1420
20.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc (không hoạt động tại trụ sở)	1430
21.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm (không hoạt động tại trụ sở)	1512
22.	Sản xuất giày dép (không hoạt động tại trụ sở)	1520
23.	In ấn (trừ in tráng bao bì kim loại, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan tại trụ sở)	1811
24.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
25.	Sao chép bản ghi các loại	1820
26.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở)	5510
27.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)	4661
28.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại chi tiết: Bán buôn sắt, thép.	4662
29.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết: bán buôn vật liệu xây dựng	4663
30.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Bán buôn hóa chất sử dụng trong lĩnh vực công nghiệp. Bán buôn cao su. Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh. (trừ dược phẩm, thuốc trừ sâu, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp, hóa chất có tính độc hại mạnh và không bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại tại trụ sở)	4669
31.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh (Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt quy hoạch nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)	4722

32.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
33.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ kinh doanh quán bar, quán giải khát có khiêu vũ)	5630
34.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn (Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi, mạ điện tại trụ sở)	3311
35.	Sửa chữa máy móc, thiết bị (Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi, mạ điện tại trụ sở)	3312
36.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi, mạ điện tại trụ sở)	3313
37.	Sửa chữa thiết bị điện (Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi, mạ điện tại trụ sở)	3314
38.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi, mạ điện tại trụ sở)	3315
39.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi, mạ điện tại trụ sở)	3320
40.	Xây dựng nhà các loại	4100
41.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
42.	Xây dựng công trình công ích	4220
43.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
44.	Phá dỡ	4311
45.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
46.	Lắp đặt hệ thống điện (Không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi, mạ điện tại trụ sở)	4321(Chính)
47.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí (Trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, máy điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)	4322
48.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi, mạ điện tại trụ sở)	4329
49.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
50.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
51.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
52.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
53.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
54.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi, mạ điện tại trụ sở)	4520
55.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
56.	Bán mô tô, xe máy	4541

57.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi, mạ điện tại trụ sở)	4542
58.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
59.	Đại lý, môi giới, đấu giá chi tiết: Đại lý, môi giới (Trừ môi giới bất động sản)	4610
60.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở)	4620
61.	Bán buôn gạo (không hoạt động tại trụ sở)	4631
62.	Bán buôn thực phẩm chi tiết: bán buôn thủy sản; bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở)	4632
63.	Bán buôn đồ uống	4633
64.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo (Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt quy hoạch nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)	4634
65.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
66.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm)	4649
67.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
68.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
69.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
70.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
71.	Vận tải hành khách đường sắt chi tiết: kinh doanh vận tải đường sắt	4911
72.	Vận tải hàng hóa đường sắt chi tiết: kinh doanh vận tải đường sắt	4912
73.	Vận tải bằng xe buýt	4920
74.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
75.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
76.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
77.	Quảng cáo	7310
78.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320
79.	Cho thuê xe có động cơ chi tiết: Cho thuê ô tô.	7710

80.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động chi tiết: cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ cho thuê lại lao động)	7830
81.	Đại lý du lịch	7911
82.	Điều hành tua du lịch chi tiết: kinh doanh du lịch lữ hành nội địa	7912
83.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
84.	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	LÂM DIỆU MINH	33/16 Lý Chiêu Hoàng , Phường 10, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	600.000.000	60,000	023079799	
2	TRẦN THỊ TỔ HOA	33/16 Lý Chiêu Hoàng , Phường 10, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	400.000.000	40,000	025171947	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÂM DIỆU MINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/03/1979

Dân tộc: Hoa

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 023079799

Ngày cấp: 22/02/2010

Nơi cấp: CA TP.HCM

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 33/16 Lý Chiêu Hoàng , Phường 10, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 33/16 Lý Chiêu Hoàng , Phường 10, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hồ Chí Minh

Thời gian đăng từ ngày 20/09/2016 đến ngày 20/10/2016

